

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 và Điều 131
Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường
vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và
lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 294/2026/TB-TLVA ngày 22
tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người
tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Đình H, sinh năm: 1988. Địa chỉ: K L, tổ H, phường A, thành
phố Đà Nẵng.

- Bà Lê Thị Phương T, sinh năm: 1989. Địa chỉ: K L, tổ H, phường A, thành phố
Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T kết hôn
với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận T, thành phố
Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2014, quyển số 02/2013 ngày
11/9/2014) nay là UBND phường A, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự
nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết
hôn, ông H và bà T về chung sống tại địa chỉ: K L, tổ H, phường A, thành phố Đà
Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2025 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn.
Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách
nhiệm với nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, kể từ khi xảy ra mâu thuẫn cho
đến nay thì vợ chồng ông H và bà T đã tự động sống ly thân với nhau, phần ai nấy
sống không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải
nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương
T đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia đình ông H và bà T đã đến mức trầm
trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần
áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận
thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Thảo N, sinh ngày 22/05/2016 và Nguyễn Hoàng Thảo M, sinh ngày 13/4/2021. Ly hôn vợ chồng thống nhất thoả thuận: Bà Lê Thị Phương T là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Thảo M cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Đình H là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Thảo N cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ông H và bà T tự nguyện thoả thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thoả thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Phương T là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Hoàng Thảo M, sinh ngày 13/4/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đình H là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Hoàng Thảo N, sinh ngày 22/05/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên đương sự có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T đã nộp theo biên lai thu số 0004179 ngày 22 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Phương T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- THADS khu vực 3;
- THADS.tp Đà Nẵng;
- UBND phường An Khê;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang

